

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2020/HSST**
Ngày: 12/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Mai Danh Hòa**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Thanh Miên**

Ông Phạm Văn Khuyến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Giáp** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2020/HSST ngày 17 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Duy C**, sinh năm 1988 tại Bình Phước; HKTT: Thôn 10, xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Vợ là bà V Thị D, sinh năm 1996 và có 01 người con, sinh năm 2018

Tiền án: Bị xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số 03/2006/HSST ngày 20/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (Nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước.

Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2020 cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

Nhân thân:

Bị xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số 06/2009/HSPT ngày 13/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. (Đã được xóa án tích)

2. Họ và tên: **Lê Trọng V**, sinh ngày 19/9/2002 tại Bình Phước; HKTT: Thôn 11, xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Trọng L, sinh năm 1977 và bà Bùi Thị V, sinh năm 1980; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/10/2020 cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

***Người bị hại:**

Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 9, xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 11, xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước

Ông Nguyễn Văn Quốc, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy C và Lê Trọng V có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau.

Do biết nhà anh Nguyễn Hữu Q không có người trông coi và có 02 cặp lục bình bằng gỗ nên C nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà của anh Q trộm cắp lục bình bán lấy tiền tiêu xài.

Vào khoảng 20 giờ ngày 09/11/2019, C đi đến nhà anh Đào Ngọc H chơi thì gặp V nên C rủ V đi trộm cắp tài sản, V đồng ý. Sau đó, C đi bộ đến nhà anh Nguyễn Văn Q mượn xe mô tô Dream màu tím (không có BKS) rồi đi về chỗ V đến nhà ông Q để trộm cắp tài sản. Khi đến gần nhà anh Q, C dùng xe ở trước sân rồi đi vào cửa chính (nhà anh Q không có cổng) dùng 01 thanh sắt cạy khóa nhưng không được nên C dùng mỏ lết mang theo từ trước bẻ khóa cửa, còn V ở ngoài cảnh giới. Sau khi bẻ được khóa cửa, C đi vào trong nhà nhìn thấy 01 cặp lục bình cao khoảng 140 cm bằng gỗ dựng hai bên cửa chính phòng khách và 01 cặp lục bình cao khoảng 45 cm bằng gỗ để ở trên tủ thờ nên C ngả từng cái lục bình xuống nền nhà kéo ra cửa rồi gọi V vào khiêng cùng với C mang ra xe mô tô. Sau đó, C điều khiển xe mô tô chở V ngồi phía sau ôm 01 cái lục bình lớn và

kẹp vào nách 02 cái lục bình nhỏ chở về nhà anh H. C tiếp tục điều khiển xe mô tô chở V quay lại nhà anh Q chở 01 cái lục bình còn lại về cất giấu tất cả 02 cặp lục bình trên tại phòng khách của nhà anh H. Khoảng 2 ngày sau, anh Đỗ Văn M đến nhà anh H chơi. Tại đây, C hỏi anh M có mua lục bình không thì M đồng ý mua cặp lục bình lớn với số tiền 2.000.000 đồng. Khoảng 2 đến 3 ngày sau, anh M dùng xe ba gác đến chở cặp lục bình trên rồi trả cho C 2.000.000 đồng, C đưa số tiền này cho V rồi V đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất những tài sản trên, đến ngày 13/12/2019, anh Q đến Công an xã H trình báo sự việc (bút lục 40). Sau đó, Công an xã H báo cáo sự việc đến Cơ quan Công an huyện Phú Riềng điều tra, xác minh theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ gồm:

Lê Trọng V giao nộp 01 cặp lục bình làm bằng gỗ, có cùng kích thước cao 45cm; chu vi tròn lớn nhất là 40cm (bút lục số 28).

Đỗ Văn M giao nộp 01 cặp lục bình làm bằng gỗ, có cùng kích thước cao 140cm; chu vi tròn lớn nhất là 133cm (bút lục số 29).

Tại bản kết luận giám định tư pháp số 357/KLGD-SHND ngày 30/12/2019 của Viện sinh học nhiệt đới thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ 01 cặp lục bình có kích cỡ giống nhau có chiều cao 45cm; chu vi tròn lớn nhất là 40cm là gỗ muồng đen hay muồng xiêm (tên khác là lim đen) - *Senna siamea*; Họ đậu - *Fabaceae* (*Leguminosae*); Bộ đậu - *Fabales*;

+ 01 cặp lục bình có kích cỡ giống nhau có chiều cao 140cm; chu vi tròn lớn nhất là 133cm là gỗ Lim xẹt - *Peltopphorum pterocarpum*; Họ đậu - *Fabaceae* (*Leguminosae*); Bộ đậu - *Fabales*. Tên khác: lim vàng (bút lục 64).

Tại bản kết luận định giá số 06/KL.HĐĐG ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 09/11/2019, 01 cặp lục bình có kích cỡ giống nhau có chiều cao 140cm; chu vi tròn lớn nhất là 133cm là gỗ Lim xẹt có giá trị là 9.000.000 đồng; 01 cặp lục bình có kích cỡ giống nhau có chiều cao 45cm; chu vi tròn lớn nhất là 40cm là gỗ muồng đen có giá trị là 500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CTr-VKS ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38; điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Trọng V mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã xác định được: Do mục đích tư lợi cá nhân, nên vào ngày 09/11/2019, các bị cáo Nguyễn Duy C và Lê Trọng V đã lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu Q tại thôn 9, xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước 02 cặp lục bình bằng gỗ thì bị bắt quả tang. Tổng giá trị là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Hành vi trên của các bị cáo đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi các bị cáo thực hiện việc phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị

cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân các bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội không có sự tổ chức và không có bàn bạc với nhau từ trước. Bị cáo Nguyễn Duy C là người khởi xướng, và rủ bị cáo Lê Trọng V cùng thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Trọng V không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên bị cáo Lê Trọng V trong thời gian được tại ngoại chờ xét xử thì bị cáo bỏ trốn gây khó khăn trong việc xét xử chứng tỏ bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật và xem thường pháp luật nhưng tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối cho bị cáo V được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Khi phạm tội bị cáo Lê Trọng V là người chưa thành niên trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên được áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội để xử lý.

Đối với bản thân bị cáo Nguyễn Duy C là người có nhân thân xấu. Bị xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số 06/2009/HSPT ngày 13/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, bản án này đã được xóa án tích. Ngoài ra, bị cáo còn bị xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số 03/2006/HSST ngày 20/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (Nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước, bản án này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới nên thuộc trường hợp “tái phạm”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo C được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Riềng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Duy C và Lê Trọng V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Ngoài ra, C khai nhận vào khoảng tháng 12/2019 C còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn 2, xã D, huyện C. Đối với vụ việc này, do đến nay Cơ quan điều tra chưa xác định được bị hại nên chưa đủ căn cứ để xử lý. Do đó, Cơ quan Công an huyện Phú Riềng tách riêng ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Đối với Đào Ngọc H, quá trình điều tra xác định Hiệp không biết việc C và V để tài sản do trộm cắp mà có tại nhà của mình, vì vậy không có căn cứ để xử lý nên HĐXX không xem xét.

Đối với Đỗ Văn M khi mua 01 cặp lục bình với giá 2.000.000 đồng thì Minh không biết đây là tài sản do C, V phạm tội mà có vì vậy không có căn cứ để xử lý nên HĐXX không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn Q là người cho C mượn xe mô tô Dream không rõ BKS, do khi cho mượn xe Q không biết việc C sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội vì vậy không có căn cứ để xử lý nên HĐXX không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cặp lục bình có kích cỡ giống nhau có chiều cao 140cm; 01 cặp lục bình có kích cỡ giống nhau có chiều cao 45cm là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Hữu Q, ngày 03/4/2020 Cơ quan Công an huyện Phú Riềng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với xe mô tô hiệu Dream (không rõ BKS) là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Q, việc C mượn xe dùng vào việc phạm tội anh Q không biết. Mặt khác, anh Q đã bán lại xe mô tô trên cho một người tên H (không rõ nhân thân lai lịch) ở huyện P, tỉnh Bình Dương nên HĐXX không xem xét.

Đối với mỏ lết và thanh sắt thì sau khi thực hiện vi phạm tội, C vứt ở chuồng gà nhà anh H, Cơ quan Công an huyện Phú Riềng đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng do C và V bán tài sản phạm tội mà có thì V

đã tiêu xài cá nhân hết không thu hồi được nên HĐXX không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy C, Lê Trọng V phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38; các điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy C** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Trọng V** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết án phí, lệ phí các bị cáo **Nguyễn Duy C, Lê Trọng V** phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Danh Hòa